

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 10/12/2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Sỹ Nghiêm.

2. Bà Bùi Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 109/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Đ sinh năm 1990.

Nơi ĐKKHKT: thôn ĐX, xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: thôn TT, xã TG, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu G, sinh năm 1988.

Nơi ĐKKHKT: thôn ĐX, xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị Đ, vắng mặt anh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Đ và anh Nguyễn Hữu G kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 10 tháng 5 năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm, đến khoảng tháng 10 năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh G đi làm ăn trong tỉnh Gia Lai có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Trong cuộc sống gia đình, vợ chồng không hòa hợp về mọi mặt trong cuộc sống. Anh G không quan tâm đến gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Mặc dù vợ chồng đã được gia đình nội, ngoại hòa giải động viên nhưng vợ chồng không thể quay về chung sống đoàn tụ. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Tháng 01 năm 2021 chị đưa con về nhà cha mẹ đẻ ở xã TG, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa sinh sống cho đến nay.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh Nguyễn Hữu G sống và làm việc trong miền Nam, chị không biết địa chỉ cụ thể anh G hiện nay làm nghề gì và ở đâu, vợ chồng chỉ trao đổi với nhau qua mạng xã hội, anh G cũng không cho chị biết địa chỉ cụ thể. Nhiều lần Tòa án triệu tập, thông báo đến Tòa án làm việc, anh G biết việc chị khởi kiện ly hôn nhưng vẫn không về để làm việc dẫn đến gây khó khăn cho chị cũng như kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Chị xác định vợ chồng tình cảm không còn, hôn nhân gia đình không có hạnh phúc, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu G.

- Về con chung: Chị và anh G có 01 con chung là Nguyễn Hữu C, sinh ngày 21/11/2016. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con và yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con thành niên.

- Về tài sản chung: Chị Ngô Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía anh Nguyễn Hữu G: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh G, cha đẻ anh G là ông Nguyễn Hữu T, địa chỉ tại thôn ĐX, xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa đã nhận và cam kết sẽ gọi điện thoại thông báo cho anh G được biết và giao ngay tận tay anh G thông báo khi anh G trở về. Nhưng anh G không gửi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình ông Nguyễn Hữu T, thông qua ý kiến của ông Tam trình bày: Con trai ông là Nguyễn Hữu G và con dâu là Ngô Thị Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn ĐX, xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa, hiện nay anh G đi làm trong miền Nam. Anh G không cung cấp địa chỉ chính xác nơi tạm trú hiện nay, mà chủ yếu liên lạc với

gia đình ông qua điện thoại. Ông đã gọi điện thoại thông báo cho anh G được biết đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tổng đạt trực tiếp lần 1, lần 2 và thông báo cho anh G về nội dung các văn bản của Tòa án, động viên anh G về để đến Tòa án giải quyết vụ án ly hôn với chị Ngô Thị Đ nhưng vì tính chất công việc bận, do dịch Covid-19 nên anh G không thể về được.

Ý kiến của ông Nguyễn Hữu T: Gia đình đã động viên hai con nhiều lần, mong muốn hai con quay về chung sống đoàn tụ. Nhưng đến nay, tình trạng mâu thuẫn giữa hai con vẫn không thể cải thiện được nên gia đình ông cũng thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho hai con. Về con chung: Anh G và chị Đ có 01 con chung, hiện nay cháu sinh sống cùng chị Đ ở xã TG, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Vì điều kiện anh G thường xuyên đi làm xa, nơi ở không ổn định nên đề nghị Tòa án giao con chung của chị Đ và anh G là Nguyễn Hữu C cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung: vợ chồng anh G, chị Đ không có tài sản chung.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:

* Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bị đơn Nguyễn Hữu G nhưng Anh G đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để xử vắng mặt Anh G.

* Về nội dung:

Chị Đ và Anh G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa ngày 10 tháng 5 năm 2016, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian sống chung, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2020. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh G, trong khi đó Anh G không cho chị Đ biết hiện đang ở đâu. Qua xác minh, bố đẻ anh G là ông Nguyễn Hữu T trình bày: vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh G hiện đang ở trong miền Nam nhưng không cho ông biết địa chỉ mà chỉ liên lạc qua điện thoại, ông Tam cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chị Đ và anh G đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Đ được ly hôn Anh G.

Về con chung: Hiện nay hai con chung đang ở với chị Đ. Anh G không chấp hành các giấy triệu tập của Tòa án, không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm của anh G. Trong khi đó con chung lâu nay ở với chị Đ và chị Đ đề nghị được nuôi con, yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con chung cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh G phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, dành quyền cho các bên đương sự khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Ngô Thị Đ làm đơn ly hôn anh Nguyễn Hữu G có hộ khẩu thường trú tại thôn ĐX, xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh G đến Tòa án để làm việc nhưng anh G không đến và đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án giữa chị Đ và anh G thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 19/11/2021 Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa nhưng vắng mặt anh Nguyễn Hữu G, vì vậy phải hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt anh Nguyễn Hữu G nhưng anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh G theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị Đ và anh Nguyễn Hữu G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa ngày 10 tháng 5 năm 2016. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn xảy ra anh chị đã được gia đình động viên hòa giải nhưng vợ chồng không tìm biện pháp để giải quyết, không tha thiết níu kéo tình cảm. Anh G đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, lần 2 nhưng không đến Tòa án làm việc gây khó khăn cho việc hòa giải và giải quyết vụ án. Chị Đ và anh G mỗi người ở mỗi nơi, không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Hạnh phúc gia đình dựa trên nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng anh G và chị Đ không làm được điều đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình ngày thêm trầm trọng và không thể hàn gắn được tình cảm. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Chị Đ xin ly hôn anh G nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

- Về con chung: Chị Ngô Thị Đ và anh Nguyễn Hữu G có 01 con chung là Nguyễn Hữu C, sinh ngày 21/11/2016. Xét thấy, hiện nay con đang ở với chị Đ, sức khỏe tốt, chị Đ đi làm có thu nhập, có nơi ở ổn định nên giao con cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Đ thấy rằng: Chị Đ yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ là phù hợp với mức sống tại địa phương cũng như thu nhập bình quân trên địa bàn. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung của chị Đ là phù hợp với thực tế và phù hợp với pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị Đ không yêu cầu nên không xem xét, dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

[4]. Về án phí: Chị Ngô Thị Đ khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật; anh Nguyễn Hữu G có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 116, 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Ngô Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Hữu G.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu C, sinh ngày 21/11/2016 cho chị Ngô Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Hữu G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ngô Thị Đ mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) kể từ tháng 12/2021 cho đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng: hàng tháng.

Anh G có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các bên đương sự bằng vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị Đ phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) chị Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0002409 ngày 10/5/2021; chấp nhận chị Đ đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Hữu G phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Đ, vắng mặt anh G. Chị Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh G có quyền kháng

cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã TT;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh